

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam số 03/MT-2024/JAC ngày 27 tháng 9 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3866/TTr-CCBVMT ngày 10 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam (địa chỉ tại khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy đầu tư kinh doanh ô tô Jac công suất 5.000 xe/năm tại khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy đầu tư kinh doanh ô tô Jac công suất 5.000 xe/năm của Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3701709706 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi

lần thứ 7 ngày 20 tháng 03 năm 2023.

- Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án: 461032000626 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chứng nhận lần đầu ngày 29 tháng 03 năm 2010, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 06 năm 2015 (Chuyển từ Chi nhánh Nhà máy sản xuất lắp ráp và đóng mới xe ô tô buýt tại Bình Dương theo Giấy chứng nhận hoạt động Chi nhánh số 313847, đăng ký lần đầu ngày 25/12/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19/09/2008 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp).

1.4. Mã số thuế: 3701709706.

1.5. Quyết định phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường số 41/QĐ-STNMT ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế tạo, lắp ráp xe tải và xe khách.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất của nhà máy: 19.020,5m²

1.7.2. Quy mô:

- Nhà máy có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Nhà máy có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư thuộc nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.7.3. Công suất: 5.000 xe/năm

Công nghệ sản xuất như sau:

+ Quy trình sản xuất khung thùng: Thanh kẽm → Cắt → Hàn que → Đóng thùng inox → Công đoạn lắp ráp.

+ Quy trình sản xuất nắp cabin: → mảnh cabin (06 mảnh) → Hàn bấm (bằng điện) → Sơn tĩnh điện (gia công bên ngoài) → Sơn màu (sơn phun) → Sấy (sử dụng điện) → Công đoạn lắp ráp.

+ Quy trình lắp ráp thành phẩm: Khung thùng, nắp cabin, các bán thành phẩm khác (bánh xe, trục xe, gầm xe, các phụ kiện khác,...) → Lắp ráp hoàn thiện → Thử sản phẩm (kiểm tra độ thấm nước) → Kho chờ xuất.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.5. Theo Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Thuận An thì vị trí của cơ sở được quy hoạch là đất ở tại đô thị. Do đó, cơ sở phải ngừng hoạt động, di dời hoặc chuyển đổi công năng đúng thời gian khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép:năm.....tháng.....ngày.

(Từ ngày..... tháng..... năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030)

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam tại khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam;
- UBND thành phố Thuận An;
- UBND phường Bình Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Nhung4.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu vực nhà khách với lưu lượng khoảng $1,9\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu vực xưởng sơn và rửa xe với lưu lượng khoảng $4,8\text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu vực hành chính và điều hành sản xuất với lưu lượng khoảng $4,8\text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh khu vực xưởng chính (chuyên lắp ráp) với lưu lượng khoảng $3,5\text{ m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Rạch Ngang tại phường Bình Hòa, thành phố Thuận An sau đó thoát ra rạch Ông bố ra Rạch Lái Thiêu - Vĩnh Bình chảy ra Sông Sài Gòn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 điểm trên cống thoát nước của đường Bình Hòa 01, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (Công ty đã được Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa xác nhận đầu nối theo đề nghị của Công ty tại văn bản số 941/CV-JAC ngày 30 tháng 10 năm 2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0): X(m) = 12.05.047; Y(m) = 06.05.379

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $15\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$) được đầu nối vào cống thoát nước khu vực trên đường Bình Hòa 01, sau đó thoát ra cống thoát nước trên đường Bình Hòa 03 → Rạch Ngang → Rạch Ông bố → Rạch Lái Thiêu - Vĩnh Bình → Sông Sài Gòn.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột A; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32,4		
3	COD	mg/L	81		
4	TSS	mg/L	54		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	5,4		
6	Tổng nitơ	mg/L	21,6		
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	4,32		
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	5,4		
9	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01, 02, 03 và 04: Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và nước rửa tay, lavabo của nhà máy thu gom bằng hệ thống ống PVC D49mm, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Thiết bị lọc áp lực → Thoát vào cống thoát nước trên đường Bình Hòa 01 (sau đó thoát ra cống thoát nước trên đường Bình Hòa 03 → Rạch Ngang → Rạch Ông bố → Rạch Lái Thiêu - Vĩnh Bình → Sông Sài Gòn).

- Công suất thiết kế: 60 m³/ngày.

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, H₂SO₄, Clorine, mật rỉ đường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành và có nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý. Trang bị các thiết bị dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, bơm định lượng.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất

để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về hồ gom gần nhất. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

+ Đối với sự cố nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải: nước thải sẽ được lưu giữ tại bể điều hòa với thể tích dư là 11,52 m³ (do công suất của hệ thống xử lý nước thải là 60 m³/ngày, trong khi lưu lượng xả thải tối đa khoảng 15m³/ngày) và 04 bể ứng phó sự cố (với tổng dung tích 14,14 m³), tổng thời gian có thể lưu giữ tạm thời 1,5 ngày. Đồng thời, rà soát, kiểm tra lại hiệu quả xử lý của các bể xử lý để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường mới được xả ra nguồn tiếp nhận, không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường. Trong trường hợp không khắc phục được, Công ty phải tạm ngưng hoạt động sản xuất cho đến khi khắc phục xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 02 tháng (Bắt đầu sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 công trình xử lý nước thải 15m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: tại bể điều hòa của công trình xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải đầu ra: sau công trình xử lý nước thải tập trung, trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa và 03 mẫu nước thải đầu ra của công trình xử lý nước thải tập trung trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

STT	Nguồn phát sinh khí thải	
01	Nguồn khí thải số 01	Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 01 tại xưởng sơn
02	Nguồn khí thải số 02	Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 04 tại xưởng sơn
03	Nguồn khí thải số 03	Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 02 tại xưởng sơn
04	Nguồn khí thải số 04	Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 03 tại xưởng sơn

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

STT	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)
01	Nguồn số 01	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí thải số 1, 2 sau xử lý của nguồn số 1	X(m) = 12.05.139 Y(m) = 06.05.357
02		Dòng khí thải số 02		X(m) = 12.05.138 Y(m) = 06.05.354
03	Nguồn số 02	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát khí thải số 3, 4 sau xử lý của nguồn số 2	X(m) = 12.05.137 Y(m) = 06.05.342
04		Dòng khí thải số 04		X(m) = 12.05.135 Y(m) = 06.05.340
05	Nguồn số 03	Dòng khí thải số 05	Tại ống thoát khí thải số 5 sau xử lý của nguồn số 3	X(m) = 12.05.146 Y(m) = 06.05.362

06	Nguồn số 04	Dòng khí thải số 06	Tại ống thoát khí thải số 6 sau xử lý của nguồn số 4	X(m) = 12.05.134 Y(m) = 06.05.338
----	-------------	---------------------	--	--------------------------------------

- Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên của Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam tại khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả thải tối đa là 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả thải tối đa là 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: lưu lượng xả thải tối đa là 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: lưu lượng xả thải tối đa là 15.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: lưu lượng xả thải tối đa là 40.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: lưu lượng xả thải tối đa là 40.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục trong thời gian hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, Cột B, Kv = 0,8, Kp = 0,8, và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối một số chất hữu cơ) cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Toluen	mg/Nm ³	-	750	01 năm/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Xylen	mg/Nm ³	-	870		
3	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	-	950		
4	Bụi	mg/Nm ³	128	-	6 tháng/ lần	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh:

- Nguồn khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 01 được thu gom, sau đó thoát ra môi trường qua 02 ống thoát khí kích thước khoảng 0,7m x 0,7m, chiều cao 10,5m (*tương ứng dòng thải số 01, 02*).

- Nguồn khí thải số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 04 được thu gom, sau đó thoát ra môi trường qua 02 ống thải kích thước khoảng 0,7m x 0,7m, chiều cao 10,5m (*tương ứng dòng thải số 03, 04*).

- Nguồn khí thải số 03: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 02 được thu gom, sau đó thoát ra môi trường qua 01 ống thải kích thước khoảng 1,5m x 1,0m, chiều cao 13m (*tương ứng dòng thải số 05*).

- Nguồn khí thải số 04: Khí thải phát sinh từ buồng sơn màu (sơn phun) số 03 được thu gom, sau đó thoát ra môi trường qua 01 ống thải khí kích thước khoảng 1,5m x 1,0m, chiều cao 13m (*tương ứng dòng thải số 06*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tầm lọc bông thủy tinh → Than hoạt tính → Ống thoát khí.

- Hệ thống xử lý khí: 04 hệ thống.

- Chế độ vận hành: liên tục trong thời gian hoạt động.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn màu (sơn phun) số 01: 36.000 m³/giờ

+ Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn màu (sơn phun) số 04: 36.000 m³/giờ

+ Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn màu (sơn phun) số 02: 50.000 m³/giờ

+ Hệ thống xử lý khí thải buồng sơn màu (sơn phun) số 03: 50.000 m³/giờ

- Vật liệu sử dụng: Tầm lọc bông thủy tinh, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng và thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp xử lý kịp thời. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời gian vận hành thử nghiệm là 02 tháng (Bắt đầu sau 20 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

04 công trình xử lý khí thải từ quá trình sơn màu (sơn phun) tại xưởng sơn

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại 02 ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn màu (sơn phun) số 01 (dòng thải 1, 2)
- Tại 02 ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn màu (sơn phun) số 04 (dòng thải 3, 4).
- Tại 01 ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn màu (sơn phun) số 02 (dòng thải số 5).
- Tại 01 ống thoát khí thải sau xử lý của buồng sơn màu (sơn phun) số 03 (dòng thải số 6).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tại ống thải trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý khí thải trong 03 ngày liên tiếp).

- Số lượng mẫu: 18 mẫu (6 ống thải x 3 mẫu/3 ngày)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải; phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3				
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)				
A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:				
1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:				
- Nguồn số 01: Khu vực sản xuất khung thùng.				
- Nguồn số 02: Khu vực hàn bấm cabin.				
- Nguồn số 03: Khu vực lắp ráp.				
- Nguồn số 04: Khu vực các buồng sơn màu (sơn phun).				
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.				
2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:				
Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ (Hệ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°)		
		X (m)	Y(m)	
1	Khu vực sản xuất khung thùng.	12.05.124	06.05.402	
2	Khu vực hàn bấm cabin.	12.05.079	06.05.366	
3	Khu vực lắp ráp.	12.05.201	06.05.376	
4	Khu vực các buồng sơn màu (sơn phun).	12.05.105	06.05.316	
5	Khu vực hệ thống xử lý nước thải.	12.05.050	06.05.370	
3. Tiếng ồn, độ rung:				
Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:				
3.1. Tiếng ồn:				
STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
3.2. Độ rung:				
STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Các máy móc thiết bị được lắp đặt đệm cao su để giảm ồn và rung.
- Bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới máy móc).
- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:
 - + Đối với công nhân làm việc tại các khu vực có độ ồn cao được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.
 - + Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo *(nếu có)*.
- 2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác *(nếu có)*.

Phụ lục 4					
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG					
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)					
A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI					
1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:					
1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:					
STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	NH	Rắn	50
2	Dầu động cơ thải	17 02 03	NH	Lỏng	100
3	Cặn sơn thải	08 01 01	KS	Rắn	500
4	Can, thùng, bao bì đựng dầu nhớt, hóa chất và dung môi thải	18 01 02	KS	Rắn	100
5	Keo thải	08 03 01	KS	Lỏng	20
6	Que hàn thải	07 04 01	KS	Rắn	20
7	Dung môi thải	17 08 03	NH	Lỏng	100
8	Hộp mực in thải	08 02 04	KS	Rắn	30
9	Pin thải	19 06 05	NH	Rắn	5
10	Giẻ lau; lọc bông sợi thủy tinh, than hoạt tính thải	18 02 01	KS	Rắn	950
Tổng khối lượng					1.875
1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:					
STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	
I	Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sản xuất				
1	Bao bì nylon, nhựa thải	18 01 06	Rắn	1.200	
2	Giấy vụn, thùng carton	18 01 05	Rắn	2.500	
3	Kim loại thải (sắt, đồng, ...)	18 01 08	Rắn	2.500	
II	Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác				

4	Bao bì (không chứa chất thải nguy hại) thải bằng vật liệu như composite	18 01 11	Rắn	1.000
5	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt	12 06 13	Bùn	50
Tổng khối lượng				7.250
<p>1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt (của công nhân viên tại cơ sở) bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (túi nilon, vỏ lon,...), khối lượng khoảng 78,5 kg/ngày.</p> <p>2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:</p> <p>2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:</p> <p>2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: Trang bị các thùng nhựa HDPE loại 120 lít, 240 lít, 660 lít, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại.</p> <p>2.1.2. Kho lưu chứa: - Diện tích kho lưu chứa chất thải: 17,69 m² - Kết cấu: Vách tole bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; biển cảnh báo; trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô). - Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.</p> <p>2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:</p> <p>2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải: - Trang bị các thùng nhựa HDPE loại 240 lít và 660 lít, có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải. - Trang bị các bao chứa bằng nilông, vải dung tích 100 – 500kg.</p> <p>2.2.2. Kho lưu chứa: - Diện tích kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 24,65 m². - Kết cấu: Kho lưu chứa có vách tole bao quanh, có mái tôn che kín nắng, mưa; toàn bộ nền được đổ bằng bê tông cốt thép, có gờ chống tràn, trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.</p> <p>2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:</p>				

2.3.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:

Trang bị các thùng nhựa dung tích 240 lít có nắp đậy kín (có dán nhãn phân loại chất thải thu gom) và được bố trí ở những khu vực thường xuyên phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, cuối ngày được thu gom về khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt và hợp đồng đơn vị thu gom vận chuyển đi xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 17,4 m².
- Kết cấu: Có mái che, có nền bê tông chống thấm, khu vực cao ráo, không bị đọng nước mưa.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa và Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự, Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Bình Hòa và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Tăng cường hiệu quả trong việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

5. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.

7. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường

8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại,

chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.